

UBND TỈNH BẮC KẠN  
SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH  
VÀ XÃ HỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-LĐT BXH

Bắc Kạn, ngày 22 tháng 9 năm 2023

## BÁO CÁO

**Tiếp thu, giải trình báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp về dự thảo Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ người cai nghiện ma túy và người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng bị quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

Sở Lao động – Thương binh và Xã hội nhận được Báo cáo số 264/STP-BCTĐ ngày 22/9/2023 của Sở Tư pháp về thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ người cai nghiện ma túy và người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng bị quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Sau khi nghiên cứu, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tiếp thu, giải trình như sau:

*(Có biểu chi tiết kèm theo)*

Trên đây là Báo cáo tiếp thu, giải trình của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đối với báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp về dự thảo Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ người cai nghiện ma túy và người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng bị quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn./.

**Nơi nhận:**

- Gửi bản điện tử:  
- Sở Tư pháp;  
- Lãnh đạo Sở;  
- Lưu: VT; TH.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Đình Quang Chúc**

**BIỂU CHI TIẾT**

**Tiếp thu và giải trình Báo cáo của Sở Tư pháp về thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ người cai nghiện ma túy và người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng bị quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

(Kèm theo Báo cáo số:         /BC-LĐTBOXH ngày 22/9/2023 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội)

STT	Ý kiến thẩm định	Tiếp thu/giải trình
I	<b>TÍNH HỢP HIẾN, HỢP PHÁP, TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT</b>	
	<p><b>1. Tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 1 dự thảo Nghị quyết</b></p> <p>Dự thảo quy định như sau:</p> <p>“a) Người nghiện ma túy có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Kạn tham gia cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập được chi hỗ trợ 01 (một) lần, thời gian hỗ trợ là 6 (sáu) tháng;</p> <p>b) Người cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng được chi hỗ trợ 01 (một) lần;”</p> <p>Tuy nhiên, đề nghị đơn vị soạn thảo nghiên cứu, xem xét lại nội dung này để có cách thức quy định/hướng dẫn cụ</p>	<p>Cơ quan soạn thảo giải trình như sau:</p> <p>- Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ và các khoản đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đã quy định nguyên tắc hỗ trợ “Người cai nghiện ma túy tự nguyện được hưởng hỗ trợ phải có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Người cai nghiện tự nguyện được hỗ trợ 01 lần, thời gian hỗ trợ là 06 tháng”. Cơ quan soạn thảo đề xuất dự thảo kế thừa nguyên tắc hỗ trợ được quy định Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND tại dự thảo Nghị quyết lần này. Theo đó, một người nghiện ma túy có thể cai nghiện tự nguyện nhiều lần nhưng chỉ được nhà nước</p>

	<p>thể, rõ ràng hơn trong cách hiểu (hỗ trợ 01 lần được hiểu là trong 01 năm; trong tất cả các lần cai nghiện hoặc trong khoảng thời gian nào? Hay sẽ được hiểu là phương thức chi trả một lần?).</p>	<p>hỗ trợ 1 lần, thời gian hỗ trợ là 6 tháng.</p> <p>-Tại điểm b, khoản 4, Điều 34 Nghị định 116/2021/NĐ-CP quy định: “<i>Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng sau khi đã hoàn thành ít nhất 03 giai đoạn theo quy định tại Điều 22, Điều 23 và Điều 24 của Nghị định này thì được nhà nước <b>hỗ trợ một lần kinh phí cai nghiện</b>, mức tối thiểu bằng mức lương cơ sở hiện hành</i>”. Dự thảo quy định “<i>Người cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng được chi hỗ trợ 01 (một) lần</i>” tức là người cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cai nghiện tại cộng đồng được hỗ trợ 1 lần kinh phí sau khi hoàn thành thành ít nhất 03 giai đoạn theo quy định tại Điều 22, Điều 23 và Điều 24 Nghị định 116/2021/NĐ-CP</p>
	<p><b>2. Tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết</b></p> <p><b>2.1. Tại khoản 1</b></p> <p>Đề nghị xem xét, bổ sung định mức tiền ăn trong ngày lễ, ngày Tết đối với người cai nghiện bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.</p> <p>Cơ sở: Tại khoản 1 Điều 65 Nghị định 116/2021/NĐ-CP quy định: “<i>Định mức tiền ăn hàng tháng của người cai nghiện bằng 0,8 mức lương cơ sở hiện hành. Ngày lễ, Tết</i></p>	<p>Cơ quan soạn thảo tiếp thu, bổ sung vào dự thảo Nghị quyết</p>

	<p><i>duơng lịch người cai nghiện được ăn thêm không quá 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; các ngày Tết nguyên đán người cai nghiện được ăn thêm không quá 05 lần tiêu chuẩn ngày thường; chế độ ăn đối với người cai nghiện bị ốm do Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc quyết định theo chỉ định của nhân viên y tế điều trị, nhưng không thấp hơn 03 lần tiêu chuẩn ngày thường”.</i></p> <p>Đồng thời, tại khoản 3 Điều 65 Nghị định cũng quy định: <i>“Các định mức quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều này là mức tối thiểu, căn cứ điều kiện cụ thể của từng địa phương, Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh điều chỉnh định mức cho phù hợp”.</i> Trên cơ sở đó, cơ quan soạn thảo đã đề xuất định mức tiền ăn hàng tháng bằng mức tối thiểu quy định tại Nghị định 116/2021/NĐ-CP. Tuy nhiên, để đảm bảo đầy đủ, thống nhất cách hiểu văn bản đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung quy định định mức tiền ăn hàng tháng bao gồm cả định mức tiền ăn những ngày lễ, Tết.</p>	
	<p><b>2.2. Tại khoản 3</b></p> <p>Điểm a khoản 11 Điều 5 Thông tư số 62/2022/TT-BTC quy định:</p> <p><i>“Người cai nghiện bắt buộc khi chấp hành xong quyết</i></p>	<p>Cơ quan soạn thảo giải trình như sau:</p> <p>- Tại điểm a, khoản 11, Điều 5, Thông tư 62/2022/TT-BTC quy định: mức hỗ trợ 70.000đ/người/ngày, số ngày đi đường tối đa không quá 3 ngày, căn cứ khoảng cách từ Cơ sở cai nghiện đến các huyện trên địa bàn tỉnh, cơ</p>

<p><i>định trở về địa phương nơi cư trú được cấp tiền ăn khi đi đường, tiền tàu xe và 01 (một) bộ quần áo thường (nếu họ không có) theo quy định tại khoản 4 Điều 62 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP; cụ thể:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiền ăn: mức hỗ trợ 70.000 đồng/người/ngày trong những ngày đi đường, tối đa không quá 03 ngày;</li> <li>- Tiền tàu xe: mức hỗ trợ theo giá phương tiện công cộng phổ thông;</li> <li>- Cấp 01 (một) bộ quần áo mùa hè hoặc 01 (một) bộ quần áo mùa đông;</li> </ul> <p><i>Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định mức hỗ trợ tối đa để cơ sở cai nghiện bắt buộc thực hiện mua sắm và cấp quần áo cho đối tượng; <u>hỗ trợ mức cao hơn mức tiền ăn và tiền tàu xe quy định tại điểm này.</u></i></p> <p>Tuy nhiên, tại dự thảo Nghị quyết, mức hỗ trợ tiền ăn và tiền tàu xe được quy định như sau: “<i>Người cai nghiện bắt buộc chấp hành xong quyết định trở về địa phương nơi cư trú được cấp 01 ngày tiền ăn đi đường, với số tiền là 70.000 đồng/người; Tiền tàu xe: mức chi hỗ trợ theo giá phương tiện công cộng phổ thông áp dụng trên địa bàn tỉnh</i>”.</p>	<p>quan soạn thảo đề xuất hỗ trợ 1 ngày.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại điểm a khoản 11 Điều 5 Thông tư 62/2022/TT-BTC quy định: “<i>Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định mức hỗ trợ tối đa để cơ sở cai nghiện bắt buộc thực hiện mua sắm và cấp quần áo cho đối tượng</i>”.</li> </ul> <p>Trên cơ sở tham khảo Nghị quyết của một số tỉnh như: Lào Cai, Sơn La, Lạng Sơn trong việc hỗ trợ tiền quần áo cho người cai nghiện bắt buộc khi trở về địa phương và qua khảo sát thực tế trên thị trường bán lẻ tại các cửa hàng bán quần áo tại chợ Bắc Kạn, chợ Đức Xuân (TP Bắc Kạn): Loại tốt: 500.000,đồng/bộ; Loại trung bình: 350.000,đồng/bộ; Loại thấp: 300.000,đồng/bộ). Đề xuất mức chi hỗ trợ tối đa số tiền 350.000,đồng/bộ/người cho người nghiện ma túy cai nghiện bắt buộc khi chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trở về địa phương nơi cư trú.</p>
--	--

	<p>Như vậy, dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ tiền ăn bằng mức tiền tối thiểu và chỉ được hỗ trợ 01 ngày; mức hỗ trợ tiền tàu xe bằng mức hỗ trợ quy định tại Thông tư số 62/2022/TT-BTC. Do đó, đề nghị đơn vị soạn thảo xem xét lại nội dung này.</p>	
	<p><b>3. Tại khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị quyết</b></p> <p><b>3.1. Tại các điểm a, b, c</b></p> <p>Đề UBND tỉnh có cơ sở xem xét, trình HĐND tỉnh ban hành, đề nghị cơ quan soạn thảo trên cơ sở khả năng ngân sách địa phương và dự kiến số lượng đối tượng tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện bổ sung thuyết minh về việc quy định mức hỗ trợ cao hơn, đối tượng mở rộng hơn tại dự thảo Nghị quyết.</p>	<p>Cơ quan soạn thảo giải trình như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo báo cáo rà soát người nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2022 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, số người nghiện ma túy có hồ sơ quản lý trên địa bàn tỉnh là 990 người, trong đó người nghiện thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo 370 người (Tỷ lệ người nghiện thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo chiếm 37,4% tổng số người nghiện có hồ sơ quản lý). Trên thực tế, hoàn cảnh gia đình của người nghiện ma túy thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo không có sự khác biệt lớn nên việc đề xuất xây dựng nghị quyết mở rộng thêm đối tượng hỗ trợ là người thuộc hộ cận nghèo khi tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở Cai nghiện ma túy công lập là phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.</li> <li>- Theo thống kê hàng năm, trung bình số học viên cai nghiện tự nguyện tại Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh Bắc Kạn khoảng 25 học viên/năm (<i>trong đó không có đối</i></li> </ul>

*tượng cai nghiện tự nguyện lần thứ 2, thứ 3 trong cùng một năm*), gồm: 10 học viên thuộc đối tượng: Thương binh; Người bị nhiễm chất độc hóa học và suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; Người thuộc hộ nghèo; Người thuộc hộ cận nghèo; Người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa; Trẻ em mồ côi; Người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng; 15 học viên còn lại thuộc các đối tượng khác.

Dự kiến kinh phí hỗ trợ cho 25 học viên/một lần cai nghiện (thời gian tối đa 6 tháng) là **233.312.500,đ**. Nguồn kinh phí dự kiến nêu trên không ảnh hưởng lớn đến ngân sách của tỉnh; đồng thời để thể hiện tính nhân văn trong thực hiện chính sách cai nghiện ma túy của tỉnh, dự thảo đề xuất mức hỗ trợ 100% chi phí cai nghiện ma túy và thuốc chữa bệnh thông thường đối với các đối tượng tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện; hỗ trợ 100% tiền ăn hàng tháng, tiền quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân cho: Thương binh; Người bị nhiễm chất độc hóa học và suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; Người thuộc hộ nghèo; Người thuộc hộ cận nghèo; Người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa; Trẻ em mồ côi; Người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng trong thời gian cai nghiện tự nguyện tại Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh.

(Mức hỗ trợ nêu trên theo quy định tại khoản 2

		<p>Điều 39 Nghị định số 116/20321/NĐ-CP là: “Ngân sách nhà nước hỗ trợ 95% chi phí cai nghiện ma túy và thuốc chữa bệnh thông thường đối với các đối tượng sau: a) Thương binh; b) Người bị nhiễm chất độc hóa học và suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; c) Người thuộc hộ nghèo; d) Người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa; đ) Trẻ em mồ côi; e) Người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng”. Và tại điểm b khoản 3 Điều 39 Nghị định số 116/20321/NĐ-CP là: “Mức hỗ trợ tiền ăn hàng tháng, tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân ít nhất bằng 70% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc”.</p>
	<p><b>3.2. Tại điểm e</b></p> <p>Đề nghị xem xét bỏ nội dung này bởi tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị quyết đã quy định mức chi cho người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập và tại gia đình, cộng đồng theo phần trăm (%) định mức tiền ăn, tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh (đối với người cai nghiện nữ) của người cai nghiện bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.</p>	<p>Cơ quan soạn thảo không tiếp thu, lý do:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Định mức tiền ăn được tính theo tháng</li> <li>- Định mức tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh (đối với người cai nghiện nữ) của người cai nghiện bắt buộc được tính theo năm (khoản 2, Điều 65, Nghị định 116/2021/NĐ-CP quy định: “Định mức tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh đối với người cai nghiện nữ <b>hàng năm</b> của người cai nghiện bằng 0,9 mức lương cơ sở hiện hành”); người cai nghiện tự</li> </ul>



		nguyên được hỗ trợ 6 tháng vì vậy định mức sẽ là 0,45/6 tháng
	<p><b>4. Tại Điều 4 dự thảo Nghị quyết</b></p> <p>Mức chi thù lao cho người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng bị quản lý sau cai nghiện ma túy theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quy định tại dự thảo Nghị quyết đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm a khoản 4 Điều 34 Nghị định 116/2021/NĐ-CP và khoản 2 Điều 6 Thông tư số 62/2022/TT-BTC.</p> <p>Tuy nhiên, đề UBND tỉnh có cơ sở xem xét, quyết định trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung thuyết minh về cơ sở thực tế đề xuất mức chi tại dự thảo Nghị quyết (so sánh với các tỉnh tương đồng, mức chi cho những người có nhiệm vụ tương tự trên địa bàn tỉnh, ...).</p> <p>Bên cạnh đó, đề nghị đơn vị soạn thảo nghiên cứu, xem xét khả năng phát sinh trường hợp một người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ cùng một</p>	<p>Cơ quan soạn thảo giải trình như sau:</p> <p>Tại điểm a, khoản 4, Điều 34 Nghị định 116/NĐ-CP quy định: “Người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã được hưởng thù lao hàng tháng. Mức thù lao tối đa là 0,6 (không phẩy sau) lần mức lương cơ sở hiện hành”; khoản 2, Điều 6, Thông tư 62/2022/TT-BTC quy định: chi tối đa 0,6 (không phẩy sau) lần mức lương cơ sở hiện hành. Căn cứ điều kiện thực tế của tỉnh, tham khảo Nghị quyết của một số tỉnh lân cận (tỉnh Cao Bằng quy định mức thù lao 0,2; tỉnh Lạng Sơn quy định mức thù lao 0,6) và dự báo số người nghiện đăng ký cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, số người quản lý sau cai nghiện, cơ quan soạn thảo đề xuất trình mức chi là 0,3 (không phẩy ba) mức lương cơ sở hiện hành/người/tháng (tương đương 540.000đ/người/tháng).</p> <p>Sau khi Nghị quyết được thông qua, cơ quan soạn thảo sẽ tham mưu cho UBND tỉnh ban hành hướng dẫn cụ thể</p>

	<p>khoảng thời gian cho nhiều đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng bị quản lý sau cai nghiện ma túy trên thực tế để từ đó có quy định/hướng dẫn chi tiết về mức thù lao (mức chi “<i>người/tháng</i>” được tính theo người được giao nhiệm vụ hay tính theo người cai nghiện, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy?)</p>	<p>về định mức, thời gian được giao nhiệm vụ cho người tư vấn, hỗ trợ quản lý người cai nghiện ma túy.</p>
<b>II</b>	<b>VỀ NGÔN NGỮ, THỂ THỨC, KỸ THUẬT TRÌNH BÀY VĂN BẢN</b>	
	<p><b>1.</b> Để đảm bảo thống nhất, đề nghị sửa từ “<i>đối tượng</i>” thành “<i>người</i>” trong các cụm “<i>đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng</i>” và “<i>đối tượng bị quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn</i>” trong nội dung dự thảo.</p>	<p>Cơ quan soạn thảo tiếp thu, chỉnh sửa vào dự thảo Nghị quyết.</p>
	<p><b>2.</b> Tại điểm b, c khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị quyết: Đề nghị bổ sung từ “<i>định mức</i>” vào sau nội dung “<i>chi hỗ trợ bằng 100%</i>” tại điểm b và “<i>chi hỗ trợ bằng 75%</i>” tại điểm c; thay nội dung “<i>tiền ăn, tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân</i>” bằng nội dung “<i>tiền ăn, quần áo, chăn, màn, chiếu, gối, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh (đối với người cai nghiện tự nguyện là nữ)</i>” để đảm bảo phù hợp với quy định</p>	<p>Cơ quan soạn thảo không tiếp thu, lý do: Mức chi hỗ trợ cho người cai nghiện tự nguyện thực hiện theo định mức của người cai nghiện bắt buộc, nội dung này Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đã tiếp thu, chỉnh sửa theo ý kiến của Sở Tài chính, quy định tại dự thảo như vậy đã cụ thể, rõ ràng và logic với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 của dự thảo Nghị quyết.</p>

	tại Thông tư 62/2022/TT-BTC.	
	<p><b>3.</b> Tại khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị quyết: Đề nghị chỉnh sửa lại nội dung theo hướng: “<i>Chi hỗ trợ 01 lần kinh phí cai nghiện đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng khi hoàn thành ít nhất 03 giai đoạn theo quy định tại Điều 22, Điều 23 và Điều 24 của Nghị định số 116/2021/NĐ-CP: ...</i>” để đảm bảo đầy đủ, phù hợp với quy định tại điểm b khoản 4 Điều 34 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP và khoản 3 Điều 6 Thông tư số 62/2022/TT-BTC.</p>	<p>Cơ quan soạn thảo không tiếp thu, lý do: Nguyên tắc hỗ trợ người cai nghiện tại gia đình, cai nghiện tại cộng đồng đã quy định rõ tại điểm c, khoản 3, Điều 1 của Dự thảo</p>
	<p><b>4.</b> Tại Điều 5 dự thảo Nghị quyết: Đề nghị xem xét chuyển nội dung này thành một khoản tại Điều 7 dự thảo Nghị quyết.</p>	<p>Cơ quan soạn thảo tiếp thu, chỉnh sửa vào dự thảo</p>